**BÀI 6. TỈ SỐ CỦA SỐ LẦN LẶP LẠI MỘT SỰ KIỆN SO VỚI TỔNG SỐ LẦN THỰC HIỆN**

**(TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Biết sử dụng được tỉ số để mô tả số lần lặp lại của một khả năng xảy ra (nhiều lần) của một sự kiện trong một thí nghiệm so với tổng số lần thực hiện thí nghiệm đó ở những trường hợp đơn giản.

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS có cơ hội để phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học; giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tham gia tốt và sáng tạo trong trò chơi, hoạt động vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong HĐ nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trung thực: Có thái độ trung thực trong học tập Toán.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point. SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy. Xúc xắc, hình vẽ các bảng biểu theo ND bài Luyện tập 2

**2. Học sinh:**

- 1 con xúc xắc, 1 cúc áo nhỏ.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu**  - Mục tiêu: + *Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.*  *+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.*  - Cách tiến hành: | |
| **a.Khởi động:**  GV tổ chức múa hát theo nhạc  **b. Kết nối**  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS thực hiện.  - HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động thực hành, luyện tập:**  **-** Mục tiêu: **+** *Sử dụng được tỉ số để mô tả số lần lặp lại của một khả năng xảy ra*  *+Vận dụng giải quyết các vấn đề đơn giản liên quan đến tỉ số*  - Cách tiến hành: | |
| **Bài 1:** – HS **tìm hiểu** bài, **nhận biết**: -Tổng số lần chơi oẳn tù tì là bao nhiêu lần? -Nam thắng được bao nhiêu lần? -Khi sửa bài, GV **khuyến khích** HS **giải thích** cách tính.  *-Mở rộng:* Có biết được số lần Nam thua không? Vì sao?  - Có biết được số lần Hà thua không? Vì sao?  -Viết tỉ số của số lần Hà thua và tổng số lần chơi.  - Gv nhận xét – Tuyên dương  **Bài 2:** -GV yêu cầu Hs quan sát  -Khi sửa bài, GV **khuyến khích** HS **giải thích** cách tính.  a. An đã tung đồng xu tất cả bao nhiêu lần?  b.Viết tỉ số của số lần xảy ra sự kiện mặt sấp xuất hiện và tổng số lần tung?  c. Viết tỉ số của số lần xảy ra sự kiện mặt ngửa xuất hiện và tổng số lần tung?  -Giáo viên nhận xét và tuyên dương  **Bài 3:** Lam quay bánh xe 30 lần, số lần kim chỉ vào phần màu đỏ bằng tổng số lần quay. Hỏi kim đã chỉ vào phần màu trắng bao nhiêu lần?  Tỉ số cho biết điều gì?  -Khi sửa bài, GV **khuyến khích** HS **giải thích** cách tính. | -HS đọc yêu cầu  - Tổng số lần chơi oẳn tù tì là 20 lần.  -Nam thắng 12 lần.  -HS **làm** bài cá nhân rồi **chia sẻ** với bạn.  - Có, vì đã có tổng số lần chơi và số lần Nam thắng  -Có vì đã có tổng số lần chơi và số lần Nam thắng còn lại 8 lần Hà thắng....  Tỉ số số lần Hà thua và tổng số lần chơi là: ,  **Bài 2:**  - HS xem SGK, **đọc** đề bài, **xác định** yêu cầu của bài: Đọc bảng thống kê rồi trả lời câu hỏi.  a)An đã tung đồng xu tất cả 65 lần.  b) Tỉ số của số lần xảy ra sự kiện mặt sấp xuất hiện và tổng số lần tung là  c) Tỉ số của số lần xảy ra sự kiện mặt ngửa xuất hiện và tổng số lần tung là  – HS **làm** bài cá nhân rồi **chia sẻ** với bạn.  **Bài 3**: HS đọc yêu cầu  -HS **thực hiện** cá nhân rồi **chia sẻ** với bạn.  - Kim đã chỉ vào phần màu trắng lần  - HS nhận xét  -Tỉ số cho biết số lần lặp lại |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  *+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.*  *+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.*  - Cách tiến hành: | |
| – HS đọc yêu cầu, **nhận biết** khi tung xúc xắc: + Xuất hiện mặt có số chấm là số chẵn → Xe màu xanh tiến 1 ô. +Xuất hiện mặt có số chấm là số lẻ → Xe màu đỏ tiến 1 ô.  -GV nhận xét , tuyên dương  -Dặn dò, nhận xét tiết học | – HS (nhóm đôi) **thực hiện**. Trong quá trình chơi, các bạn ghi chép lại số lần tung và chia sẻ: • Tỉ số của số lần xảy ra sự kiện mặt có số chấm là số chẵn và tổng số lần tung. • Tỉ số của số lần xảy ra sự kiện mặt có số chấm là số lẻ và tổng số lần tung.    - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | |

**BÀI 7: EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Củng cố các kiến thức kĩ năng liên quan đến kiến thức xác suất thống kê, phân số, phân số thập phân, tỉ số

- Vận dụng để giải quyết các vấn đề đơn giản về bài toán tỉ số

**1. Năng lực đặc thù:**

- Qua thực hành luyện tập giúp HS phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học; giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tham gia tốt và sáng tạo trong trò chơi, hoạt động vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ nhau trong HĐ nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trung thực: Có thái độ trung thực trong học tập Toán.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**Giáo viên**:

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point. SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy như: bảng số liệu BT1, hình minh hoạ BT2.

**Học sinh:** SGK, vở toán

**III.HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu**  - Mục tiêu: + *Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.*  *+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh*  - Cách tiến hành: | |
| **a. Khởi động**  - GV tổ chức trò chơi “**Nhanh như chớp nhí”**  - GV luật chơi , cách chơi:  Cô có 5 câu hỏi, mỗi câu hỏi có 20 giây để trả lời. Các em trả lời bằng cách đưa bảng đáp án A, B, C, D. Bạn nào trả lời nhanh và nhiều đáp án chính xác nhất sẽ là người thắng.  **Câu 1: Kết quả của phép tính + là:**  A. 1 B. C. D.  **Câu 2: Phân số viết dưới dạng phân số thập phân là :**  A. B. C. D.  **Câu 3: 52cm = ….dm viết dưới dạng hỗn số là:**  A. B. C. D.  **Câu 4: Lớp 5A2 có 16 học sinh nữ và 19 học sinh nam. Tỉ số giữa học sinh nữ và học sinh cả lớp là bao nhiêu?**  A. B. C. D.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **b. Kết nối**  - GV dẫn dắt vào bài mới | * HS lắng nghe * HS tham gia chơi. * Học sinh lắng nghe      * Học sinh nhắc lại tên bài học. |
| **2. Hoạt động thực hành, luyện tập**  **-** Mục tiêu:  *+ Ôn tập về thực hiện cách thu thập, phân loại số liệu thống kê, nhận xét từ bảng số liệu (BT1)*  *+ Củng cố về phân số, viết được một phân số dưới dạng phân số thập phân và hỗn số có chứa phân số thập phân. (BT2)*  *+ Viết được tỉ số của hai đại lượng cùng loại.(BT3)*  **- Cách tiến hành:** | |
| **Bài tập 1**: Tìm hiểu bài, nhận biết:  - GV trình chiếu (hoặc treo) bảng thống kê cho HS quan sát.  - Một học sinh đọc yêu cầu bài  - Tổ chức HS làm việc theo nhóm đôi trong vòng 3 phút.  - Mời 1 nhóm lên bảng trình bày.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV kết luận.  **Bài tập 2:**    -Một học sinh đọc yêu cầu bài tập 2.  - Yêu cầu HS làm cá nhân vào phiếu học tập.  + Một HS làm bảng nhóm  - GV sửa bài BT2 (treo bảng nhóm hoặc chiếu BT2 của 1 HS )  + Quan sát hình ảnh   * Phân số ?   Mỗi cái bánh chia thành mấy phần bằng nhau? 🡪 Phân số 🡪 Phép cộng  Khay A có cái bánh, khay B có cái bánh.  Cả hai khay có cái bánh. (  b) Viết phân số và dưới dạng phân số thập phân  = = =   * Viết phân số và dưới dạng phân số thập phân.   = 1 = 3  - Nhận xét, tuyên dương.  Bài tập 3:    - Yêu cầu HS đọc yêu cầu BT3.  -Tổ chức cho HS chơi trò chơi “nghĩ nhanh đáp đúng”  - Nêu cách chơi: HS có 10 giây để chọn đáp án đúng bằng cách chọn A, B, C, D viết vào bảng con.  -GV nhận xét, yêu cầu HS giải thích cách làm.  -GV chốt đáp án A. Chỉ ra sai lầm ở các em chọn đáp án sai. | -HS quan sát lắng nghe  -HS **làm** bài theo nhóm đôi với bạn bên cạnh.  - Dựa vào bảng thống kế, HS trình bày và giải thích cách làm.  a) Quan sát bảng thống kê, đọc số liệu HS tiểu học trên cả nước theo từng năm học.  b) So sánh số học sinh của năm học sau với năm học trước.  8 506 600 < 8 718 400 < 8 885 000< 9 212 000  🡪 Số HS năm học sau tăng so với năm học trước.  c) Tìm phần hơn 🡪 xác định số lớn, số bé 🡪phép trừ.  9 212 000 – 8 506 600 = 705 400  Năm 2021 – 2022 tăng 705 400 học sinh so với năm 2018 -2019  d) (8 506 600+8 718 400+ 0 + 921 ) : 4 =8 830 500  Trung bình mỗi năm có 8830500 học sinh tiểu học.  -Cả lớp cùng quan sát, nhận xét.  -HS lắng nghe (cùng đọc thầm) yêu cầu BT2  - HS làm phiếu bài tập.  -Cả lớp quan sát lắng nghe.   * Cả lớp quan sát, sửa bài.   -HS đọc yêu cầu  - Tham gia chơi trò chơi  -HS cùng đưa bảng con  -HS nêu giải thích vì sao chọn đáp án A, B, C hay D |
| **3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  *Vận dụng giải bài toán & giải quyết các vấn đề đơn giản của thực tiễn liên quan về tỉ số. Sử dụng được tỉ số để mô tả số lần lặp lại của một khả năng xảy ra (nhiều lần) của một sự kiện và tổng số lần thực hiện thí nghiệm đó.*  - Cách tiến hành: | |
| Bài 4:  - Yêu cầu HS đọc yêu cầu BT4.  -Tổ chức cho HS chơi trò chơi “nghĩ nhanh đáp đúng”  - Nêu cách chơi: HS có 10 giây để chọn đáp án đúng bằng cách viết Đ hoặc S vào bảng con ứng với câu a ,b.  GV nhận xét, yêu cầu HS giải thích cách làm, tuyên dương.  -GV chốt đáp án. Chỉ ra sai lầm ở các em chọn đáp án sai | -HS đọc yêu cầu  - Tham gia chơi trò chơi  -HS cùng đưa bảng con  -HS nêu giải thích vì sao chọn đáp án.  a) Đ  b) S. Vì 6 : 1 = 6 → Số tách trà gấp 6 lần số bình trà. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ............................................................................................................................................................................................................................................................................................... | |

**BÀI 7: EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ (Tiết 2)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Củng cố các kiến thức kĩ năng liên quan đến kiến thức xác suất thống kê, phân số, phân số thập phân, tỉ số

Vận dụng để giải quyết các vấn đề đơn giản về bài toán tỉ số

**1. Năng lực đặc thù:**

- Qua thực hành luyện tập giúp HS phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học; giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tham gia tốt và sáng tạo trong trò chơi, hoạt động vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ nhau trong HĐ nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trung thực: Có thái độ trung thực trong học tập Toán.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1/ Giáo viên**: - Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**2/ Học sinh:** SGK, vở toán

**III.HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu**  - Mục tiêu: *+ Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.*  *+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh*  - Cách tiến hành: | |
| **a. Khởi động**  - GV tổ chức trò chơi “**Rung chuông vàng”**  - GV phổ biến luật chơi, cách chơi:  Cô có 4 câu hỏi, mỗi câu hỏi có 20 giây để trả lời. Các em trả lời bằng cách đưa bảng đáp án A, B, C, D. Bạn nào trả lời nhanh và nhiều đáp án chính xác nhất sẽ là người “Rung chuông vàng”  - GV nhận xét, tuyên dương.  **b.Kết nối**  - GV dẫn dắt vào bài mới  **2. Hoạt động thực hành, luyện tập**  - Mục tiêu:  + Vận dụng giải bài toán & giải quyết các vấn đề đơn giản của thực tiễn liên quan về tỉ số.  + HS sử dụng được tỉ số để mô tả số lần lặp lại của một khả năng xảy ra (nhiều lần) của một sự kiện và tổng số lần thực hiện thí nghiệm đó.  - Cách tiến hành:  Bài 5 : Yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài.   1. Tìm cách vẽ sơ đồ. Số bút đen bằng số bút xanh → Bút đen mấy phần, bút xanh mấy phần? 2. Số bút đen gấp 2 lần số bút đỏ → Bút đỏ mấy phần? b) Dựa vào sơ đồ để giải bài toán.  * HS làm việc cá nhân (1 HS làm bảng nhóm) * 1 HS lên bảng trình bày bài giải * GV sửa bài. * GV nhận xét, tuyên dương.   Bài 6:  – GV yêu cầu HS đọc, nhận biết yêu cầu của bài.   * Tổ chức HS làm việc theo nhóm đôi. * GV sửa bài. * Mời HS đọc và giải thích.   **Vui học.**   * HS đọc yêu cầu * Trò chơi đố vui. * GV nhận xét, tuyên dương.   **Hoạt động thực tế**     * GV cho HS đọc đề bài, xác định yêu cầu và việc cần làm. * GV nhận xét, tổng kết. | * HS lắng nghe: Có 4 câu hỏi, mỗi câu hỏi có 20 giây để trả lời. Các em trả lời bằng cách đưa bảng đáp án A, B, C, D. Bạn nào trả lời nhanh và nhiều đáp án chính xác nhất sẽ là người “Rung chuông vàng” * HS tham gia chơi. * Học sinh lắng nghe      * 1HS đọc yêu cầu BT5   + Yêu cầu của bài: Vẽ sơ đồ; giải bài toán.   * HS lắng nghe * HS làm bài vào vở.   Bút đen có 2 phần, bút xanh có 3 phần. Bút đỏ có 1 phần.   1. Sơ đồ: 6 cái      1. Bài giải   6 : 3 × 2 = 4  Có 4 cái bút đen.  4 : 2 = 2  Có 2 cái bút đỏ.  6 + 4 + 2 = 12  Có tất cả 12 cái bút.   * HS đọc yêu cầu BT6, xác định yêu cầu.      * HS thảo luận nhóm đôi (viết tỉ số vào bảng con). * HS đọc tỉ số và giải thích.   Tỉ số của số lần xuất hiện mặt ngửa và tổng số lần tung đồng xu là (Vì Hoà tung 15 lần, xuất hiện mặt ngửa 4 lần).  -HS tham gia đố. Trả lời  – Sai (vì hai đại lượng không cùng một đơn vị đo). → Đổi: 3 kg = 3 000 g → Tỉ số khối lượng của quả trứng và gà mái là  (hay ; )   * HS xác định yêu cầu, thực hiện cá nhân. * Chuẩn bị: 1 băng giấy dài khoảng 50 cm, kéo, bút chì. * Thực hiện:   Việc 1: Đo chiều dài băng giấy bằng 1 gang tay em, dùng bút chì ghi dấu.  Việc 2: Vẽ một vạch thẳng (xem hình) rồi cắt băng giấy thứ nhất.  Việc 3: Cắt băng giấy thứ hai bằng với băng giấy thứ nhất  Băng giấy thứ nhất:  Băng giấy thứ hai  Việc 4: Gấp băng giấy thứ hai thành 4 phần bằng nhau → Cắt bỏ 1 phần ( băng giấy).  → Được băng giấy thứ hai bằng băng giấy thứ nhất. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ................................................................................................................................................. | |

**BÀI 8. ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN RÚT VỀ ĐƠN VỊ**

**(2 tiết- SGK Trang 24-25)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

1. **Năng lực đặc thù.**

- HS nhận biết một mối quan hệ phụ thuộc của hai đại lượng, giải được bài toán rút về

đơn vị theo cách dùng tỉ số.

- Giải quyết các vấn đề đơn giản liên quan đến bài toán rút về đơn vị.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tham gia tốt và sáng tạo trong trò chơi, hoạt động vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

- Hình vẽ dùng cho phần Khởi động và mục Đất nước em, bảng số liệu dùng cho nội dung Cùng học và bài Thực hành 1.

**2. Học sinh:**

- SGK, Vở toán & VBT toán.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Hoạt động khởi động**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi, trước giờ học.  + Giúp HS kiểm tra kiến thức cũ, hình thành kiến thức mới  - Cách tiến hành: | | |
| - GV tổ chức trò chơi “*Tìm cà rốt cho thỏ”*  - GV nêu cách chơi, luật chơi  + Có 4 câu hỏi, các bạn có 10 giây để suy nghĩ và trả lời, mỗi câu trả lời đúng sẽ giúp thỏ tìm được 1 củ cà rốt.  **Câu 1:**  Số lớn là 15 và số bé là 4. Tìm tỉ số của số lớn và số bé.  **Câu 2:** Nêu cách gấp một số lên một số lần.  **Câu 3:** Nêu cách giảm một số đi một số lần.    **Câu 4:** Nêu các bước giải bài toán rút về đơn vị đã học ở lớp 4.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV chuyển ý, chiếu hoặc ( yêu cầu HS xem sgk Tr 24) hình ảnh khởi động    - Mời 2 HS vấn đáp:  - Yêu cầu HS dự đoán câu trả lời  -Ta sẽ tìm hiểu về mối quan hệ giữa số con thỏ và số chuồng thỏ, từ đó sẽ biết thêm một cách giải của Bài toán liên quan đến rút về đơn vị.  - Giới thiệu, dẫn dắt vào bài mới: ***Ôn tập và bổ sung bài toán liên quan đến rút về đơn vị-Tiết 1*** | - HS tham gia chơi    **Đáp án câu 1:**  Tỉ số của số lớn và số bé là 15 : 4 hay .  **Đáp án câu 2:**  Muốn gấp một số lên một số lần, ta lấy số đó nhân với số lần.  **Đáp án câu 3:**  Muốn giảm một số đi một số lần, ta lấy số đó chia cho số lần.  **Đáp án câu 4:**  Bước 1: Rút về đơn vị  Bước 2: Tìm kết quả bài toán  -HS lắng nghe  - 2 HS tham gia vấn đáp  + HS nam: Sắp tới, số chuồng thỏ sẽ được gấp lên 3 lần.  + HS nữ: nếu mỗi chuồng vẫn có 2 con thỏ thì số thỏ sẽ gấp lên mấy lần?  -HS dự đoán.  - HS lắng nghe.  - Học sinh nhắc tựa | |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức**  **- Mục tiêu:**  - HS nhận biết một mối quan hệ phụ thuộc của hai đại lượng.  - Giải được bài toán rút về đơn vị theo cách dùng tỉ số.  **- Cách tiến hành:** | | |
| **a) Ví dụ về mối quan hệ phụ thuộc**   * GV treo (hoặc trình chiếu) bảng thống kê số liệu lên, vừa vấn đáp vừa hoàn thiện bảng cùng với     + Bạn gái cho biết một chuồng thỏ có mấy con thỏ?    + Tìm số con thỏ trong 2 chuồng, 3 chuồng, 4 chuồng.    + GV chỉ tay theo chiều mũi tên, hướng dẫn HS nói.        + Như vậy, số con thỏ phụ thuộc vào số chuồng nuôi thỏ.   * GV yêu cầu HS nhận xét. * GV nhận xét, kết luận   + *Số con thỏ trong mỗi chuồng là như nhau.*  *+ Khi số chuồng gấp lên (hay giảm đi) bao nhiêu lần thì số con thỏ trong các chuồng cũng gấp lên (hay giảm đi) bấy nhiêu lần.*  **b) Bài toán:**  *4 chuồng có 8 con thỏ. Hỏi 12 chuồng như thế có bao nhiêu con thỏ? Biết số con thỏ trong các chuồng bằng nhau.*  – Hướng dẫn HS tìm hiểu bài.  + Bài toán hỏi gì?  + Muốn biết 12 chuồng có bao nhiêu con thỏ ta phải biết gì?  + Nhận dạng bài toán.  + Để thuận lợi cho việc giải bài toán, trước tiên làm gì?  + Khi tóm tắt bài này cần lưu ý những gì?  -GV yêu cầu HS tóm tắt và giải bài toán.  -GV cho 1 HS lên bảng làm bài.  -GV nhận xét.  -GV hướng dẫn giải **cách thứ hai**  4 chuồng: 8 con  12 chuồng: ? con  + 12 chuồng so với 4 chuồng thì gấp mấy lần?  Tại sao?  + GV vừa nói vừa chỉ tay vào tóm tắt: Khi số  chuồng gấp lên 3 lần thì số con thỏ trong các  chuồng cũng gấp lên 3 lần.  + 12 chuồng có bao nhiêu con thỏ?  – GV viết lời giải (bên phải của Cách 1)  **Bài giải**  12 : 4 = 3  12 chuồng gấp 4 chuồng là 3 lần.  8 × 3 = 24   1. huồng có 24 con thỏ.   -GV Mời HS nêu lại 2 cách giải  → GV viết ở hàng bên trên Bài giải: **Cách 1: Rút về đơn vị.**  → GV viết ở hàng bên trên Bài giải: **Cách 2: Tìm tỉ số.**  -GV hệ thống hai cách giải | | -Học sinh quan sát và vấn đáp.  + 2 con    + HS nói theo hướng dẫn của GV.  + Khi số chuồng gấp lên 3 lần thì số con thỏ cũng gấp lên 3 lần.  + Khi số chuồng gấp lên 2 lần thì số con thỏ cũng gấp lên 2 lần.  + Khi số chuồng giảm đi 2 lần thì số con thỏ cũng giảm đi 2 lần.  + Khi số chuồng giảm đi 4 lần thì số con thỏ cũng giảm đi 4 lần.  - HS nêu nhận xét  - HS lắng nghe, nhắc lại  – HS tìm hiểu bài:  + 12 chuồng có bao nhiêu con thỏ?  + 1 chuồng có bao nhiêu con thỏ?  + Rút về đơn vị.  + Tóm tắt.  + 3 dòng, dấu hỏi ở vị trí cuối bên phải  🡪 Một bên là chuồng, một bên là số con thỏ.  → HS tóm tắt.  4 chuồng: 8 con  1 chuồng: ? con  12 chuồng: ? con  HS giải bài toán.  **Bài giải**  8 : 4 = 2  Mỗi chuồng có 2 con thỏ.  2 × 12 = 24  12 chuồng có 24 con thỏ  + 3 lần.  Vì 12 : 3 = 4.  + 24 con.  Vì 8 × 3 = 24.  **+ Cách 1**: Để tìm số con thỏ trong 12 chuồng, ta tìm số con thỏ trong 1 chuồng, đây là bước rút về đơn vị nên tên của cách 1 là Rút về đơn vị.  **+ Cách 2:** Để tìm số con thỏ trong 12 chuồng, ta tìm xem 12 gấp 4 bao nhiêu lần.  Phép chia 12 : 4 cũng được hiểu là tỉ số của 12 và 4. Do đó tên của cách 2 là Tìm tỉ số.  -HS lắng nghe, ghi nhớ |
| **3. Thực hành, luyện tập .**  - Mục tiêu:  – HS nhận biết một mối quan hệ phụ thuộc của hai đại lượng, giải được bài toán rút về  đơn vị theo cách dùng tỉ số.  – Giải quyết các vấn đề đơn giản liên quan đến bài toán rút về đơn vị.  - Cách tiến hành: | | |
| **Thực hành**  **Bài 1: Số?**    - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu BT1  - Tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi vấn đáp.  - GV tổ chức Trò chơi “đố gì” để chữa bài  - Cách chơi, luật chơi: Có 2 phút để suy nghĩ và tìm ra câu trả lời ở bài tập 1. Sau hai phút cô sẽ mời ngẫu nhiên 2 nhóm lên vấn đáp và trình bày.Một nhóm sẽ “ đố bạn, đố bạn”. Một nhóm “ đố gì, đố gì”. Câu đố là nội dung yêu cầu câu 1a và 1b. Nhóm nào trả lời chính xác và giải thích tốt sẽ chiến thắng.(Trong quá trình thảo luận trình bày bài làm vào vở bài tập Toán.)  - Mời các nhóm nhận xét  - GV kết luận, nhận xét. tuyên dương. | - Hs đọc yêu cầu BT1  - HS thảo luận nhóm đôi  - HS lắng nghe  - Hs tham gia chơi.  • 10 phút đóng gói được bao nhiêu kiện hàng?  *Đáp án: 15 kiện hàng*  • 60 phút gấp mấy lần 10 phút? Vậy số kiện hàng đóng gói được cũng gấp lên mấy lần?  *Đáp án: 6 lần🡪 90 kiện hàng*  • 3 kiện hàng so với 15 kiện hàng thì giảm đi mấy lần? Vậy thời gian đóng gói cũng giảm đi mấy lần?  *Đáp án: 5 lần🡪2 phút*  - HS nhận xét | |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV gọi HS nêu lại nội dung bài học  - GV Nhận xét, tuyên dương  - Nhận xét, dặn dò. | -HS trả lời  -HS lắng nghe | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

**BÀI 8. ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN RÚT VỀ ĐƠN VỊ**

**(Tiết 2)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

1. **Năng lực đặc thù.**

- HS nhận biết một mối quan hệ phụ thuộc của hai đại lượng, giải được bài toán rút về

đơn vị theo cách dùng tỉ số.

- Giải quyết các vấn đề đơn giản liên quan đến bài toán rút về đơn vị.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tham gia tốt và sáng tạo trong trò chơi, hoạt động vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

- Hình vẽ dùng cho phần Khởi động và mục Đất nước em, bảng số liệu dùng cho nội dung Cùng học và bài Thực hành 1.

**2. Học sinh:**

- SGK, Vở toán & VBT toán.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV tổ chức cho HS hát, múa tạo không khí vui tươi.  - GV dẫn dắt vào bài mới: ***Ôn tập và bổ sung bài toán liên quan đến rút về đơn vị-Tiết 2*** | | HS tham gia  Học sinh lắng nghe |
| **2. Hoạt động thực hành, luyện tập**  Mục tiêu  + Vận dụng giải bài toán & giải quyết các vấn đề đơn giản của thực tiễn liên quan về tỉ số, bài toán rút về đơn vị.  Cách tiến hành: | | |
| **Luyện tập**  **Bài 1**:  -GV Yêu cầu HS đọc yêu cầu BT 1  -Gv tổ chức cho HS thảo luận (nhóm bốn) tìm hiểu bài toán, giải bài toán.  -Bài toán hỏi gì?  -Muốn biết Thọ mua 8 quyển vở như thế hết bao nhiêu tiền ta cần biết gì?  -GV gợi ý có thể làm theo một trong 2 cách Rút về đơn vị & Tìm tỉ số.  -Yêu cầu HS tóm tắt và giải bài toán  .  -GV thu vở, sửa bài 5 học sinh.  -Chiếu 1 bài của HS cho cả lớp mời HS nhận xét.  -GV kết luận, tuyên dương.  **Bài 2:**  **-**GV Yêu cầu HS đọc yêu cầu BT 2.  - Thực hiện tương tự bài 1.  - GV gợi ý có thể làm theo một trong 2 cách Rút về đơn vị & Tìm tỉ số.  - GV sửa bài.  - GV tuyên dương HS làm tốt. | | - HS đọc yêu cầu: *Hà mua 4 quyển vở cùng loại hết 48 000 đồng. Hỏi Thọ mua 8 quyển vở như thế hết bao nhiêu tiền?*  - Tìm hiểu bài toán.   * Thọ mua 8 quyển vở như thế hết bao nhiêu tiền? * Tìm 1 quyển vở hết bao nhiêu tiền hoặc 8 quyển vở gấp 4 quyển vở mấy lần.(rút về đơn vị hoặc tìm tỉ số).   - HS làm vào VBT  **Tóm tắt**  4 quyển: 48 000 đồng 8 quyển: ... đồng?  **Bài giải**  8 : 4 = 2  8 quyển vở gấp 4 quyển vở là 2 lần.  48 000 × 2 = 96 000  Thọ mua 8 quyển vở hết 96 000 đồng.  -HS lắng nghe, sửa bài (nếu sai)  - HS đọc yêu cầu: *36 chai nước được xếp đều vào 3 hộp. Hỏi 180 chai nước cùng loại thì xếp đều được bao nhiêu hộp như thế?*  HS làm BT 2 vào VBT.  **Tóm tắt**  36 chai : 3 hộp  180 chai: ... hộp?  **Bài giải**  180 : 36 = 5  180 chai nước gấp 36 chai nước là 5 lần.  5 × 3 = 15  180 chai nước xếp đều được 15 hộp. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm**  **Mục tiêu:**  - Vận dụng kiến thức về bài toán rút về đơn vị để giải quyết các vấn đề đơn giản trong thực tiễn có liên quan theo cách dùng tỉ số và dạng rút về đơn vị  **Cách tiến hành:** | | |
| **Bài 3:**  -GV Mời HS cả lớp đọc yêu cầu.  -GV hỏi: Bài toán có mấy yêu cầu?  - Gv Nhận xét, hướng dẫn. HS chọn giải bài toán 1 trong 2 cách  - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 4. Tóm tắt và giải bài toán  -GV Mời các nhóm trình bày bài trước lớp. khuyến khích HS giải thích bước tính theo thứ tự này   * GV Nhận xét, kết luận, tuyên dương.   **Đất nước em**    -GV mời HS đọc yêu cầu bài toán  - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm đôi.  - Gv gợi ý HS có thể giải 1 trong hai cách.  -Mời HS trình bày bài làm. GV khuyến khích HS giải thích cách làm từng bước.  -GV nhận xét.  -Mở rộng: GV giới thiệu đôi nét về nhà máy gạo này.  -Chiếu video và hình ảnh về nhà máy xay xát gạo. Giáo dục HS.  -Dặn dò và nhận xét tiết học. | HS đọc yêu cầu: *Một ô tô cứ đi 100 km trên một con đường thì tiêu thụ hết 8 l xăng.*  *a) Hỏi ô tô đi 50 km trên con đường đó thì tiêu thụ hết bao nhiêu lít xăng?*  *b) Nếu mỗi lít xăng có giá 23 960 đồng thì ô tô đi 50 km trên con đường đó hết bao nhiêu tiền xăng?*  -HS trả lời: Bài toán có 2 yêu cầu.  a)Tìm số lít xăng.  b)Tính tiền xăng.  - HS lắng nghe.  - HS làm việc nhóm 4 thảo luận cùng với bạn.  **Tóm tắt**  a) 100 km: 8 *l*  50 km: ? *l*   1. 1 *l*: 23960 đồng   ? *l*: ? đồng  **Bài giải**  **a**) 100 : 50 = 2  50 km so với 100 km thì giảm 2 lần.  8 : 2 = 4  Ô tô đi 50 km tiêu thụ hết 4 l xăng.  **b)** 23960 × 4 = 95840  Ô tô đi 50 km hết 95840 đồng tiền xăng.  Trả lời: a) Đi 50 km hết 4 *l* xăng.   1. Tiền xăng hết 95840 đồng**.**   -Các nhóm trình bày, nhận xét  -HS giải thích cách làm  Ví dụ:  a)Giải bài toán rút về đơn vị theo cách 2. Tìm số lần giảm 🡪 Phép chia.  Tìm số lít xăng 🡪Phép chia (vì giảm 2 lần).  b)Tính tiền xăng 🡪 23 960 đồng được lấy 4 lần 🡪Phép nhân…  - HS lắng nghe.  - HS đọc yêu cầu.  + HS thảo luận (nhóm đôi) xác định các việc cần làm, tìm cách làm:  + Trả lời câu hỏi.   * 10 ngày: 16 000 tấn * 1 tháng (30 ngày): … tấn?   **Bài giải:**  30 : 10 = 3  30 ngày gấp 10 ngày là 3 lần:  16 000 x 3 = 48 000  Trong 1 tháng (30 ngày) nhà máy xay xát được 48 000 tấn lúa khô.  -HS giải thích cách làm  Ví dụ:  🡪Đây là bài toán rút về đơn vị. Giải cách tìm tỉ lệ.  +Bước 1: Tìm số lần gấp 🡪 Phép chia (30 ngày giảm xuống 10 ngày).  + Bước 2: Tìm tấn lúa khô 🡪 Phép nhân (vì tăng gấp 3 lần)  -HS lắng nghe.  -HS xem video.  -HS lắng nghe và thực hiện. | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................